

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Trình độ tương đương A2 - Khóa thi: 17/5/2026

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
01	A2-01	24631092	Nguyễn Duy	An	'03/12/2006	Nam	TP. HCM	7.5	2.0	7.6	5.7	Đạt	
02	A2-02	24611155	Lương Thục	Ân	'27/06/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	7.8	7.6	7.8	Đạt	
03	A2-03	24651028	Nguyễn Thị Vân	Anh	'05/07/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	8.0	4.4	6.6	Đạt	
04	A2-04	24635170	Nguyễn Vũ Phương	Anh	'21/09/2006	Nữ	Nghệ An	7.0	7.6	6.8	7.1	Đạt	
05	A2-05	23631205	Trần Thị Vân	Anh	'17/03/2005	Nữ	Thanh Hóa	6.0	9.2	8.8	8.0	Đạt	
06	A2-06	24600241	Trương Quỳnh	Anh	'03/09/2001	Nữ	TP. HCM	9.0	9.1	9.2	9.1	Đạt	
07	A2-07	24631169	Nguyễn Thị Kim	Ánh	'30/06/2005	Nữ	TP. HCM	9.0	9.2	9.6	9.3	Đạt	
08	A2-08	24600290	Trần Ngọc	Ánh	'15/12/2006	Nữ	Cà Mau	7.0	4.6	8.0	6.5	Đạt	
09	A2-09	23662036	Nguyễn Thị Lan	Anh	'26/05/2005	Nữ	Đồng Nai	6.5	5.7	5.6	5.9	Đạt	
10	A2-10	24631265	Huỳnh Huệ	Băng	'06/08/2006	Nữ	Đồng Tháp	8.5	9.4	10	9.3	Đạt	
11	A2-11	23600288	Nguyễn Thị Yên	Bình	'10/10/2004	Nữ	Gia Lai	7.0	2.6	5.6	5.1	Đạt	
12	A2-12	21611141	Tăng Tấn	Đại	'07/02/2002	Nam	Sóc Trăng	---	---	---	---	---	Vắng thi
13	A2-13	24651030	Lê Thị Diệu	Đan	'21/12/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	7.0	9.2	7.7	Đạt	
14	A2-14	23631290	Lê Nguyễn Hồng	Đào	'09/01/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	8.9	10	9.0	Đạt	
15	A2-15	22631587	Đặng Phở	Đạt	'15/08/2004	Nam	TP. HCM	7.0	7.7	6.8	7.2	Đạt	
16	A2-16	23671010	Đỗ Công	Đạt	'17/10/2005	Nam	Long An	6.0	7.9	7.2	7.0	Đạt	
17	A2-17	23661018	Trần Thị Ngọc	Diệp	'24/11/2005	Nữ	TP. HCM	5.0	6.5	7.6	6.4	Đạt	
18	A2-18	23661085	Huỳnh Quốc	Doanh	'13/09/2005	Nam	Gia Lai	5.5	4.7	8.4	6.2	Đạt	
19	A2-19	24000020	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/12/1996	Nữ	Quảng Ngãi	6.0	7.9	9.6	7.8	Đạt	
20	A2-20	23662058	Nguyễn Cao	Dũng	'16/09/2005	Nam	Gia Lai	6.0	6.6	9.6	7.4	Đạt	
21	A2-21	23611026	Nguyễn Hà Thanh	Dung	'19/10/2002	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	9.0	8.5	4.8	7.4	Đạt	
22	A2-22	23671013	Phạm Thị Thuý	Dương	'26/11/2003	Nữ	Bình Thuận	7.0	6.2	6.0	6.4	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
23	A2-23	23641369	Võ Thanh	Dương	'14/09/2005	Nữ	Tây Ninh	6.0	3.2	6.0	5.1	Đạt	
24	A2-24	24641070	Phan Thanh	Duy	'13/08/2003	Nam	An Giang	7.5	8.3	9.2	8.3	Đạt	
25	A2-25	23682068	Trần Quốc	Duy	'13/01/2003	Nam	TP. HCM	6.0	4.3	9.6	6.6	Đạt	
26	A2-26	23631321	Đình Vũ Mỹ	Duyên	'08/11/2005	Nữ	TP. HCM	7.5	6.7	9.6	7.9	Đạt	
27	A2-27	23641124	Mai Thị	Duyên	'22/04/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.0	9.4	8.4	8.3	Đạt	
28	A2-28	23631184	Trần Thị Mỹ	Duyên	'15/09/2005	Nữ	Bình Phước	6.5	8.4	9.6	8.2	Đạt	
29	A2-29	24611090	Phạm Thị Hương	Giang	'09/11/2006	Nữ	Đắk Lắk	8.0	9.8	10	9.3	Đạt	
30	A2-30	23631385	Trần Xuân	Giang	'24/01/2003	Nữ	TP. HCM	6.5	4.8	5.2	5.5	Đạt	
31	A2-31	24631172	Bùi Thị Thu	Hà	'11/09/2006	Nữ	Bình Phước	7.0	7.9	9.6	8.2	Đạt	
32	A2-32	21682044	Hồ Ngân	Hà	'26/10/2003	Nữ	TP. HCM	8.0	7.7	4.0	6.6	Đạt	
33	A2-33	24641002	Võ Thị Thanh	Hà	'08/11/2003	Nữ	Tây Ninh	8.0	9.2	10	9.1	Đạt	
34	A2-34	23662061	Lê Văn Đại	Hải	'29/09/2004	Nam	An Giang	8.5	8.9	10	9.1	Đạt	
35	A2-35	24611070	Nguyễn Hoàng Diệu	Hân	'17/11/2006	Nữ	Bình Thuận	8.5	7.3	6.4	7.4	Đạt	
36	A2-36	25681057	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	'20/05/2003	Nữ	Vĩnh Long	6.0	7.5	3.2	5.6	Đạt	
37	A2-37	24600346	Nguyễn Thị Thanh	Hân	'17/03/2006	Nữ	An Giang	8.0	8.3	2.8	6.4	Đạt	
38	A2-38	23631320	Phan Lê Gia	Hân	'07/09/2005	Nữ	Bình Phước	7.0	7.6	8.0	7.5	Đạt	
39	A2-39	23611109	Phùng Bảo	Hân	'18/06/2005	Nữ	Bình Định	7.5	5.3	2.4	5.1	Đạt	
40	A2-40	23631011	Nguyễn Thuý	Hằng	'25/10/2004	Nữ	Nam Định	7.5	7.0	8.8	7.8	Đạt	
41	A2-41	23682055	Nguyễn Đức	Hậu	'18/08/2005	Nam	Đồng Nai	7.5	1.6	3.2	4.1	Không đạt	
42	A2-42	24600219	Nguyễn Thành	Hậu	'10/06/2002	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.5	2.3	6.4	5.1	Đạt	
43	A2-43	24600425	Nguyễn Thị Ái	Hậu	'14/01/2006	Nữ	Bình Định	7.0	4.5	2.0	4.5	Không đạt	
44	A2-44	23682018	Nguyễn Thị Xuân	Hiệp	'09/05/2004	Nữ	Ninh Thuận	5.0	1.9	3.2	3.4	Không đạt	
45	A2-45	23641303	Nguyễn Trần Minh	Hiếu	'03/08/2004	Nam	Hậu Giang	6.0	1.5	1.2	2.9	Không đạt	
46	A2-46	24631139	Nguyễn Thị Yên	Hoa	'08/09/2006	Nữ	Nghệ An	5.5	1.8	6.0	4.4	Không đạt	
47	A2-47	24600534	Trần Thị Như	Hoa	'18/01/2004	Nữ	Bình Thuận	---	---	---	---	---	Vắng thi
48	A2-48	24641115	Võ Hoàng Bách	Hợp	'12/01/2006	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	5.7	8.4	7.0	Đạt	
49	A2-49	24600041	Nguyễn Phúc	Hưng	'10/09/2006	Nam	TP. HCM	8.5	7.1	8.0	7.9	Đạt	
50	A2-50	24671014	Nguyễn Đăng Quỳnh	Hương	'03/12/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	4.6	3.2	5.1	Đạt	
51	A2-51	23631313	Nguyễn Thị Thu	Hương	'09/01/2005	Nữ	Bình Định	8.0	5.6	5.2	6.3	Đạt	
52	A2-52	24631108	Nguyễn Thị Ngọc	Hường	'25/11/2005	Nữ	Long An	7.0	10	10	9.0	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
53	A2-53	24651002	Nguyễn Thị Thanh	Hương	'01/07/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	3.7	8.4	6.4	Đạt	
54	A2-54	24600222	Đỗ Thái Quan	Huy	'25/02/2001	Nam	Sóc Trăng	8.5	7.5	8.0	8.0	Đạt	
55	A2-55	20641665	Nguyễn Đức	Huy	'30/04/2001	Nam	TP. HCM	9.0	7.4	8.8	8.4	Đạt	
56	A2-56	24612062	Trương Quang	Huy	'18/07/2006	Nam	Quảng Ngãi	6.5	3.7	9.2	6.5	Đạt	
57	A2-57	23612088	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	'03/01/2005	Nữ	Long An	8.0	4.9	2.4	5.1	Đạt	
58	A2-58	22631447	Nguyễn Hà Duy	Kha	'12/01/2004	Nam	TP. HCM	7.5	1.8	2.8	4.0	Không đạt	
59	A2-59	23662053	Hà Nguyên	Khang	'05/10/2005	Nam	TP. HCM	8.5	8.5	8.0	8.3	Đạt	
60	A2-60	21641407	Đỗ Thúy	Khanh	'08/12/2003	Nữ	TP. HCM	6.0	5.8	4.4	5.4	Đạt	
61	A2-61	24682121	Lê Nguyễn Kim	Khanh	'20/08/2006	Nữ	Tiền Giang	7.0	8.5	5.2	6.9	Đạt	
62	A2-62	23662056	Nguyễn Hoàng Gia	Khánh	'20/05/2005	Nam	TP. HCM	6.5	5.4	2.0	4.6	Không đạt	
63	A2-63	23631343	Phan Ngọc Minh	Khánh	'28/08/2005	Nữ	Tiền Giang	8.0	6.8	1.2	5.3	Đạt	
64	A2-64	23641169	Phạm Đăng	Khoa	'30/12/2005	Nam	TP. HCM	7.5	8.5	6.8	7.6	Đạt	
65	A2-65	23682017	Cao Minh	Kiệt	01/08/2005	Nam	Kiên Giang	9.0	7.0	7.2	7.7	Đạt	
66	A2-66	24635146	Kiều Đình	Kiệt	'10/04/2006	Nam	Bình Phước	6.5	6.5	4.0	5.7	Đạt	
67	A2-67	23600304	Nguyễn Tuấn Kiệt	Kiệt	'24/12/2005	Nam	Long An	5.0	4.6	2.8	4.1	Không đạt	
68	A2-68	24641023	Phan Văn	Kiệt	'15/05/2004	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.0	7.0	3.2	5.4	Đạt	
69	A2-69	23641433	Võ Anh	Kiệt	'25/10/2003	Nam	TP. HCM	8.5	4.3	4.8	5.9	Đạt	
70	A2-70	24635186	Nguyễn Thị Phương	Kiều	'03/05/2006	Nữ	Bình Định	6.5	6.3	4.8	5.9	Đạt	
71	A2-71	24631112	Phạm Phụng	Kiều	'26/04/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	9.9	9.6	9.3	Đạt	
72	A2-72	23612125	Nguyễn Đình	Kỳ	'13/02/2005	Nam	Đắk Lắk	8.5	8.9	6.8	8.1	Đạt	
73	A2-73	24682051	Nguyễn Thị Kim	Liên	'28/09/2006	Nữ	Gia Lai	7.0	6.5	9.2	7.6	Đạt	
74	A2-74	23631345	Đặng Thị Mỹ	Linh	'16/09/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	4.0	5.2	5.7	Đạt	
75	A2-75	23631301	Lê Thị Trúc	Linh	'11/01/2005	Nữ	Long An	7.5	3.2	5.6	5.4	Đạt	
76	A2-76	23641361	Mai Thị Thuỳ	Linh	'14/07/2005	Nữ	TP. HCM	5.0	4.4	6.8	5.4	Đạt	
77	A2-77	21682036	Nguyễn Thị Mai	Linh	'28/02/1999	Nữ	TP. HCM	7.0	7.8	6.0	6.9	Đạt	
78	A2-78	23662021	Nguyễn Yên	Linh	'18/04/2005	Nữ	Bến Tre	---	---	---	---	---	Vắng thi
79	A2-79	21631225	Vũ Thị Hoàng	Linh	'16/04/2000	Nữ	TP. HCM	6.0	6.5	9.6	7.4	Đạt	
80	A2-80	24651027	Phạm Hoàng	Long	'04/01/2006	Nam	Tiền Giang	7.5	8.2	7.2	7.6	Đạt	
81	A2-81	24682005	Nguyễn Ngọc Trúc	Ly	'27/07/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	8.1	8.0	7.7	Đạt	
82	A2-82	24611144	Ôn Gia	Ly	'17/03/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	7.3	7.6	7.0	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe				
83	A2-83	24682006	Đào Xuân	Mai	'26/10/2026	Nữ	Đồng Nai	7.0	6.6	8.8	7.5	Đạt	
84	A2-84	23631340	Đới Thị	Nga	'11/07/2005	Nữ	Thanh Hóa	7.5	8.5	9.2	8.4	Đạt	
85	A2-85	24641120	Lê Nguyễn Thuý	Nga	'30/12/2005	Nữ	Tiền Giang	7.5	8.3	9.6	8.5	Đạt	
86	A2-86	23682079	Nguyễn Thị Thuý	Nga	'06/06/2004	Nữ	Đắk Lắk	7.0	8.1	8.0	7.7	Đạt	
87	A2-87	24635185	Hoàng Ngọc Khánh	Ngân	'13/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	7.0	9.2	10	8.7	Đạt	
88	A2-88	24631280	Lưu Thảo	Ngân	'31/12/2006	Nữ	Cà Mau	5.0	6.4	8.4	6.6	Đạt	
89	A2-89	23631363	Mai Thị Tuyết	Ngân	'02/04/2005	Nữ	Bình Thuận	7.0	6.1	7.2	6.8	Đạt	
90	A2-90	23681024	Nguyễn Thị Thu	Ngân	'28/03/2003	Nữ	Bình Định	5.5	6.3	6.0	5.9	Đạt	
91	A2-91	24635061	Trần Thị Thanh	Ngân	'01/04/2006	Nữ	Ninh Thuận	5.0	4.1	9.2	6.1	Đạt	
92	A2-92	24651029	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	'22/11/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	4.6	8.8	6.5	Đạt	
93	A2-93	24641005	Nguyễn Thành	Nghiệp	'25/01/1994	Nam	Bình Định	5.0	7.0	9.2	7.1	Đạt	
94	A2-94	24682002	Y	Ngìn	'13/08/2002	Nữ	Kon Tum	7.5	9.1	9.6	8.7	Đạt	
95	A2-95	24635167	Nguyễn Hoàng	Ngọc	'23/08/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	9.5	9.6	8.7	Đạt	
96	A2-96	24682056	Vũ Việt	Ngọc	'03/09/2004	Nam	Thanh Hóa	5.0	9.1	10	8.0	Đạt	
97	A2-97	24682034	Đặng Thảo	Nguyễn	'02/10/2006	Nữ	An Giang	7.0	8.0	8.8	7.9	Đạt	
98	A2-98	24631267	Đông Võ Thảo	Nguyễn	'15/10/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.0	6.8	7.6	Đạt	
99	A2-99	21641596	Nguyễn Duy	Nguyễn	'15/09/2003	Nam	Đắk Lắk	7.0	8.3	8.0	7.8	Đạt	
100	A2-100	22641138	Nguyễn Minh	Nguyễn	'26/12/1997	Nữ	TP. HCM	8.5	9.6	9.6	9.2	Đạt	
101	A2-101	23641414	Bùi Nguyễn Thành	Nhân	'25/08/2005	Nam	Bình Thuận	6.5	3.5	5.6	5.2	Đạt	
102	A2-102	23681016	Nguyễn Đặng Thành	Nhân	'29/03/2005	Nam	Đồng Nai	6.5	8.4	8.4	7.8	Đạt	
103	A2-103	23635002	Châu Tuyết	Nhi	'13/06/2004	Nữ	TP. HCM	7.5	7.7	9.6	8.3	Đạt	
104	A2-104	24682016	Giang Bảo	Nhi	'13/12/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	8.3	9.6	8.3	Đạt	
105	A2-105	24631171	Hoàng Thị Ngọc	Nhi	'01/12/2006	Nữ	Bình Phước	6.0	9.0	9.6	8.2	Đạt	
106	A2-106	24682123	Lê Phạm Uyên Nhi	Nhi	'31/07/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	8.7	7.2	8.0	Đạt	
107	A2-107	23641508	Nguyễn Thị Yến	Nhi	'10/02/2004	Nữ	Long An	6.0	9.8	9.6	8.5	Đạt	
108	A2-108	24631131	Nguyễn Yến	Nhi	'27/02/2006	Nữ	TP. HCM	5.0	6.5	8.4	6.6	Đạt	
109	A2-109	23662005	Cao Thị Ngọc	Như	'24/05/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	7.0	8.8	7.6	Đạt	
110	A2-110	23671040	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	'19/04/1996	Nữ	Đắk Lắk	7.0	8.1	9.2	8.1	Đạt	
111	A2-111	24600092	Trần Ngọc Huỳnh	Như	'14/09/2006	Nữ	TP. HCM	8.5	9.0	10	9.2	Đạt	
112	A2-112	24635063	Trương Khánh	Như	'28/12/2006	Nữ	Quảng Nam	6.0	9.0	9.2	8.1	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
113	A2-113	24631127	Đặng Thị Cẩm	Nhung	'02/11/2006	Nữ	TP. HCM	7.5	8.6	10	8.7	Đạt	
114	A2-114	24600116	Phan Thị Kim	Nhung	'25/10/2006	Nữ	Bình Phước	5.0	1.8	6.4	4.4	Không đạt	
115	A2-115	24600035	Trần Thị Hằng	Ny	'10/05/1999	Nữ	Bình Thuận	10	9.2	8.4	9.2	Đạt	
116	A2-116	23611132	Nguyễn Kiều	Oanh	'08/12/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	7.5	6.4	7.0	Đạt	
117	A2-117	23600296	Đặng Tấn	Phát	'27/02/2006	Nam	TP. HCM	8.5	8.5	9.2	8.7	Đạt	
118	A2-118	22641197	Lê Tấn	Phát	'10/10/2003	Nam	An Giang	7.0	2.1	1.6	3.6	Không đạt	
119	A2-119	24641055	Ngô Thanh	Phong	'20/07/2000	Nam	TP. HCM	5.0	8.0	6.8	6.6	Đạt	
120	A2-120	23641488	Bùi Bảo	Phúc	'31/08/2005	Nam	Đồng Tháp	5.0	7.3	9.6	7.3	Đạt	
121	A2-121	23641428	Ngô Thanh	Phúc	'09/02/2005	Nam	TP. HCM	6.5	7.2	9.6	7.8	Đạt	
122	A2-122	23661003	Huỳnh Thanh	Phuong	'19/09/2001	Nữ	Vĩnh Long	6.5	6.6	3.2	5.4	Đạt	
123	A2-123	23662018	Phan Nguyễn Anh	Phuong	'10/03/2005	Nam	Long An	6.5	7.7	8.8	7.7	Đạt	
124	A2-124	24681037	Y	Phượng	09/11/2006	Nữ	Kon Tum	6.5	7.5	8.4	7.5	Đạt	
125	A2-125	23662017	Hạng Hoàng Minh	Quang	'11/10/2005	Nam	TP. HCM	8.0	7.5	3.6	6.4	Đạt	
126	A2-126	24600486	Ngô Lý Trúc	Quỳnh	'11/02/2006	Nữ	Bến Tre	6.5	8.6	10	8.4	Đạt	
127	A2-127	23641427	Ngô Thị Như	Quỳnh	'17/11/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	7.3	8.8	7.5	Đạt	
128	A2-128	24600221	Trần Thị	Sang	'21/01/2006	Nữ	Thanh Hóa	6.0	6.6	9.6	7.4	Đạt	
129	A2-129	24631205	Nguyễn Hoàn	Sanh	'06/08/2003	Nam	TP. HCM	6.5	5.6	10	7.4	Đạt	
130	A2-130	23661005	Trần Cao	Son	'20/01/2004	Nam	Hà Tĩnh	6.5	8.2	9.2	8.0	Đạt	
131	A2-131	23611036	Nguyễn Đặng Băng	Tâm	'24/11/2005	Nữ	Bến Tre	7.5	8.3	3.2	6.3	Đạt	
132	A2-132	23641090	Dương Kỳ	Thăng	'01/10/2004	Nam	TP. HCM	6.0	7.8	9.2	7.7	Đạt	
133	A2-133	22661099	Nguyễn Chí	Thành	'03/10/2004	Nam	Tiền Giang	7.0	6.8	8.4	7.4	Đạt	
134	A2-134	23662032	Bùi Lê Văn	Thành	07/06/2005	Nam	Cần Thơ	7.5	8.5	9.6	8.5	Đạt	
135	A2-135	23612087	Phạm Thanh	Thảo	'02/12/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	4.0	8.4	6.3	Đạt	
136	A2-136	24631133	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	'22/01/2006	Nữ	Long An	6.5	8.0	9.6	8.0	Đạt	
137	A2-191	22641299	Trần Thị Ngọc	Thoa	12/05/2004	Nữ	Long An	5.5	7.6	8.0	7.0	Đạt	
138	A2-137	24635125	Nguyễn Hồng	Thi	'15/03/2006	Nữ	Tiền Giang	6.5	5.1	6.0	5.9	Đạt	
139	A2-138	24682045	Trần Ngọc	Thiện	'12/10/2006	Nam	Long An	6.5	4.0	9.2	6.6	Đạt	
140	A2-139	23661077	Nguyễn Minh	Thịnh	'01/03/2005	Nam	Sóc Trăng	6.5	6.0	5.2	5.9	Đạt	
141	A2-140	24631115	Võ Nhật	Thịnh	'31/12/2006	Nam	Long An	6.5	8.9	10	8.5	Đạt	
142	A2-141	24641310	Đào Thị Minh	Thư	'22/10/2006	Nữ	Đồng Nai	7.0	3.7	10	6.9	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe				
143	A2-142	23641086	Đinh Ngọc Anh	Thư	'07/07/2004	Nữ	Bình Định	6.5	8.5	6.4	7.1	Đạt	
144	A2-143	24631235	Huỳnh Anh	Thư	'09/05/2006	Nữ	TP. HCM	8.0	7.7	4.8	6.8	Đạt	
145	A2-144	24631138	Trần Mộng Anh	Thư	'12/08/2006	Nữ	Long An	5.5	3.3	8.0	5.6	Đạt	
146	A2-145	24641307	Võ Đoàn Minh	Thư	'13/02/2006	Nữ	Gia Lai	6.0	8.5	7.6	7.4	Đạt	
147	A2-146	23631295	Nguyễn Thị Nhật	Thuận	'21/11/2005	Nữ	TP. HCM	---	---	---	---	---	Vắng thi
148	A2-147	23635112	Lê Thị Thanh	Thúy	'16/02/2005	Nữ	TP. HCM	6.0	5.6	5.2	5.6	Đạt	
149	A2-148	23662008	Lâm Thị Phương	Thùy	'05/05/2005	Nữ	Đồng Tháp	5.5	4.3	5.6	5.1	Đạt	
150	A2-149	24631196	Hồ Thị Thu	Thúy	'16/06/2006	Nữ	Bình Định	6.5	8.6	8.8	8.0	Đạt	
151	A2-150	24600225	Nguyễn Việt	Thy	'21/01/2006	Nữ	Bến Tre	6.0	8.3	8.0	7.4	Đạt	
152	A2-151	23641202	Huỳnh Nguyễn Cẩm	Tiên	'01/01/2005	Nữ	Quảng Ngãi	6.5	8.6	9.6	8.2	Đạt	
153	A2-152	23631294	Nguyễn Thị	Tiên	'19/11/2005	Nữ	TP. HCM	6.0	8.2	8.8	7.7	Đạt	
154	A2-153	24641114	Nguyễn Vương Mai	Tiên	'04/02/2006	Nữ	Đồng Nai	8.0	9.0	7.6	8.2	Đạt	
155	A2-154	23631329	Văn Trần Gia	Tiến	'01/10/2004	Nam	Tiền Giang	7.0	5.8	8.0	6.9	Đạt	
156	A2-155	24635039	Nguyễn Thái	Toàn	'01/11/2005	Nam	TP. HCM	7.0	9.5	10	8.8	Đạt	
157	A2-156	24682033	Huỳnh Thụy Thanh	Trà	'24/01/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	8.1	9.6	8.2	Đạt	
158	A2-157	24631117	Nguyễn Ngô Bích	Trâm	'25/06/2006	Nữ	Cà Mau	7.0	3.7	7.6	6.1	Đạt	
159	A2-158	22682007	Võ Thị Ngọc	Trâm	'10/05/2003	Nữ	Trà Vinh	8.0	6.1	7.6	7.2	Đạt	
160	A2-159	23641270	Nguyễn Ngọc Bích	Trân	'23/05/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	7.7	6.8	7.2	Đạt	
161	A2-160	24682027	Nguyễn Thị Thu	Trang	'25/10/2003	Nữ	Phú Thọ	7.0	6.8	6.8	6.9	Đạt	
162	A2-161	24635073	Nguyễn Thị Thuý	Trang	'18/04/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	9.5	9.6	8.4	Đạt	
163	A2-162	24631128	Phan Thị Bảo	Trang	'27/02/2006	Nữ	Long An	7.0	9.4	9.6	8.7	Đạt	
164	A2-163	23641268	Châu Minh	Trí	'21/06/2004	Nam	Long An	5.0	4.5	9.6	6.4	Đạt	
165	A2-164	24631167	Đặng Ngọc	Trình	'11/03/2006	Nữ	TP. HCM	5.0	5.1	9.2	6.4	Đạt	
166	A2-165	24661053	Huỳnh Đức	Trọng	'03/02/2006	Nam	Quảng Ngãi	6.0	4.6	8.4	6.3	Đạt	
167	A2-166	23611164	Lê Ngô Thuý	Trúc	'10/01/2004	Nữ	Kon Tum	7.0	4.6	9.2	6.9	Đạt	
168	A2-167	24641003	Nguyễn Thị Phương	Trúc	'25/06/2003	Nữ	Tây Ninh	7.0	9.6	9.6	8.7	Đạt	
169	A2-168	24611067	Phạm Thanh	Trúc	'16/02/2006	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.0	9.1	9.6	8.9	Đạt	
170	A2-169	24600042	Nguyễn Anh	Tuấn	'06/12/2006	Nam	Vĩnh Long	7.0	8.3	5.2	6.8	Đạt	
171	A2-170	23651003	Cao Thị	Tuyên	'20/09/2003	Nữ	Ninh Thuận	8.0	8.3	9.6	8.6	Đạt	
172	A2-171	24641329	Dương Thị	Uyên	'20/04/2006	Nữ	Đắk Nông	---	---	---	---	---	vắng thi

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
173	A2-172	24635130	Lê Thị Thảo	Uyên	'04/03/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	8.0	10	8.0	Đạt	
174	A2-173	23631165	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	'02/01/2005	Nữ	Bến Tre	6.0	8.5	9.6	8.0	Đạt	
175	A2-174	24682010	Nguyễn Thuý	Vân	'17/11/2006	Nữ	Bình Thuận	6.0	8.0	7.6	7.2	Đạt	
176	A2-175	24631142	Trần Thị Hồng	Vân	'30/07/2004	Nữ	Đồng Nai	7.0	9.0	10	8.7	Đạt	
177	A2-176	24600426	Nguyễn Ngọc Thảo	Vi	'12/02/2006	Nữ	Ninh Thuận	7.0	7.2	8.8	7.7	Đạt	
178	A2-177	23641334	Trương Võ Quang	Vinh	'17/07/2000	Nam	TP. HCM	7.0	6.0	2.4	5.1	Đạt	
179	A2-178	23631259	Dương Ngọc Hoàng	Vy	'05/07/2004	Nữ	TP. HCM	6.0	3.8	5.6	5.1	Đạt	
180	A2-179	23631288	Hồ Huỳnh Trúc	Vy	'18/08/2004	Nữ	TP. HCM	6.0	9.3	9.2	8.2	Đạt	
181	A2-180	23631337	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	'11/05/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	9.7	9.6	8.8	Đạt	
182	A2-181	21612102	Nguyễn Lâm Thảo	Vy	'22/10/2003	Nữ	TP. HCM	8.0	4.7	8.8	7.2	Đạt	
183	A2-182	23631209	Phạm Huỳnh Hương	Vy	'15/07/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	8.2	9.2	8.5	Đạt	
184	A2-183	23600277	Trần Tường	Vy	'28/12/2005	Nữ	Bình Thuận	6.0	10	9.2	8.4	Đạt	
185	A2-184	23631325	Tô Tuấn	Vỹ	'09/10/2000	Nam	TP. HCM	8.0	7.4	3.2	6.2	Đạt	
186	A2-185	24631163	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	'19/09/2006	Nữ	Sóc Trăng	7.0	8.6	8.0	7.9	Đạt	
187	A2-186	22631480	Nguyễn Như	Ý	'10/01/2004	Nữ	Bạc Liêu	6.0	5.8	8.8	6.9	Đạt	
188	A2-187	24631242	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	'30/09/2006	Nữ	TP. HCM	9.0	9.7	10	9.6	Đạt	
189	A2-188	23631033	Nguyễn Thiều Bảo	Yến	'05/02/2005	Nữ	TP. HCM	6.0	7.5	9.6	7.7	Đạt	
190	A2-189	24635177	Phùng Ngọc Tiểu	Yến	'14/02/2006	Nữ	Ninh Thuận	7.0	9.0	9.2	8.4	Đạt	
191	A2-190	23631284	Trương Hải	Yến	'25/11/2005	Nữ	TP. HCM	7.0	7.9	8.0	7.6	Đạt	

Thống kê	Số lượng
Đạt	176
Không đạt	10
Vắng	05

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tú

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Trình độ tương đương B1 - Khóa thi: 17/5/2025

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
01	B1-01	23613024	Nguyễn Đình	Bảo	'24/08/2002	Nam	TP. HCM	5.8	9.5	8.4	7.9	Đạt	
02	B1-02	22613182	Phan Văn	Đạt	'21/05/2004	Nam	Đồng Nai	2.5	9.5	8.8	6.9	Đạt	
03	B1-03	24613006	Nguyễn Anh	Dũng	'09/05/2003	Nam	TP. HCM	9.0	9.1	10	9.4	Đạt	
04	B1-04	22635118	Lê Thị	Hậu	'02/02/2004	Nữ	Thanh Hóa	6.0	6.2	10	7.4	Đạt	
05	B1-05	24613130	Huỳnh Trọng	Hiệp	'09/11/2006	Nam	Long An	6.0	9.1	9.6	8.2	Đạt	
06	B1-06	24600467	Nguyễn Thị Thu	Hương	'25/03/2006	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.0	10	10	8.7	Đạt	
07	B1-07	24613118	Bùi Duy	Khang	'04/09/2005	Nam	Cà Mau	6.0	4.5	10	6.8	Đạt	
08	B1-08	24613149	Hồ Trần Anh	Khoa	'04/10/2006	Nam	Bình Thuận	7.5	9.4	8.8	8.6	Đạt	
09	B1-09	24613170	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	'16/07/2006	Nữ	Bình Phước	4.5	9.5	10	8.0	Đạt	
10	B1-10	24613151	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh	'06/08/2006	Nữ	Bình Dương	5.8	8.5	9.2	7.8	Đạt	
11	B1-11	24613167	Võ Minh	Luân	'08/12/2006	Nam	Tiền Giang	5.8	9.3	9.6	8.2	Đạt	
12	B1-12	24613216	Nguyễn Hoàng Cẩm	Ly	'17/03/2006	Nữ	Bình Phước	6.5	8.9	9.2	8.2	Đạt	
13	B1-13	20613090	Lê Thành	Mẫn	'05/09/2002	Nam	Long An	6.0	7.4	8.4	7.3	Đạt	
14	B1-14	24613174	Trần Gia	Mẫn	'23/07/2006	Nữ	TP. HCM	6.8	7.9	9.6	8.1	Đạt	
15	B1-15	23613131	Trần Thu Ngọc	Nga	'14/05/2005	Nữ	TP. HCM	5.5	7.8	9.2	7.5	Đạt	
16	B1-16	22613181	Đỗ Linh	Nhi	'13/06/2004	Nữ	Đồng Nai	4.0	9.5	10	7.8	Đạt	
17	B1-17	24613142	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	'02/07/2006	Nữ	Phú Yên	5.5	9.5	10	8.3	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
18	B1-18	24612010	Nguyễn Hồng Phúc	'22/05/2002	Nữ	Đồng Nai	7.0	8.4	9.2	8.2	Đạt	
19	B1-19	24613046	Trịnh Nguyễn Nhật Tân	'30/12/2002	Nam	TP. HCM	5.0	9.5	10	8.2	Đạt	
20	B1-20	25613337	Nguyễn Hoàng Thông	'10/06/2007	Nam	TP. HCM	6.8	6.9	9.6	7.8	Đạt	
21	B1-21	24613108	Đinh Thị Anh Thư	07/10/2006	Nữ	Long An	4.5	9.7	9.2	7.8	Đạt	
22	B1-22	24613218	Đỗ Anh Thư	'12/07/2006	Nữ	Thanh Hóa	6.0	9.4	9.6	8.3	Đạt	
23	B1-23	24613241	Tô Anh Thư	'21/06/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	10	10	9.0	Đạt	
24	B1-24	24612057	Lê Thị Ngọc Thuý	'21/04/2006	Nữ	TP. HCM	6.0	8.2	8.8	7.7	Đạt	
25	B1-25	23613034	Trần Thanh Tùng	'10/10/2004	Nam	Bình Thuận	7.5	6.0	7.6	7.0	Đạt	
26	B1-26	24613121	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	'11/12/2006	Nữ	TP. HCM	4.0	8.6	9.6	7.4	Đạt	
27	B1-27	24612003	Nguyễn Thảo Vy	'25/07/2005	Nữ	TP. HCM	6.5	6.8	9.2	7.5	Đạt	
28	B1-28	24613242	Nguyễn Thị Bảo Vy	'24/05/2006	Nữ	An Giang	6.5	9.0	9.0	8.2	Đạt	
29	B1-29	24613276	Nguyễn Tường Vy	'18/11/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	6.9	6.4	6.8	Đạt	
30	B1-30	24613226	Huỳnh Biện Như Ý	'30/07/2006	Nữ	TP. HCM	7.0	9.8	10	8.9	Đạt	

Thông kê	Số lượng
Đạt	30
Không đạt	0
Vắng	0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tú

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Trình độ tương đương B2 - Khóa thi: 17/5/2026

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
01	B2-01	24621024	Hồ Gia	Bảo	'19/02/2004	Nam	Đồng Tháp	6.5	8.0	10	8.2	Đạt	
02	B2-02	24621008	Bùi Phát	Đạt	'01/09/2003	Nam	Bình Phước	8.0	8.3	9.6	8.6	Đạt	
03	B2-03	23621166	Huỳnh Nhật	Hào	'28/10/2004	Nam	TP. HCM	7.5	6.7	9.6	7.9	Đạt	
04	B2-04	23621076	Nguyễn Thị Thanh	Hào	'28/11/2005	Nữ	Bình Thuận	9.0	7.7	9.2	8.6	Đạt	
05	B2-05	23621043	Trịnh Hà	Hưng	'20/03/2005	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.5	7.1	8.4	8.0	Đạt	
06	B2-06	24621093	Trần Nguyễn Duy	Khang	'22/06/2006	Nam	Long An	8.0	8.5	9.2	8.6	Đạt	
07	B2-07	24635076	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	'04/12/2006	Nữ	TP. HCM	6.5	8.7	10	8.4	Đạt	
08	B2-08	24621068	Trần Hồ Như	Ngọc	10/08/2006	Nữ	Bến Tre	8.2	7.9	9.2	8.4	Đạt	
09	B2-09	24621012	Huỳnh Thảo	Nguyễn	'14/08/2005	Nữ	An Giang	8.0	7.9	8.8	8.2	Đạt	
10	B2-10	24621023	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	'10/03/2004	Nữ	TP. HCM	9.0	7.6	8.8	8.5	Đạt	
11	B2-11	23621148	Nguyễn Lê Minh	Như	'17/05/2005	Nữ	TP. HCM	8.0	7.0	10	8.3	Đạt	
12	B2-12	23621086	Tiền Ngọc	Phụng	'05/01/2005	Nữ	Tiền Giang	7.0	7.9	9.6	8.2	Đạt	
13	B2-13	23621107	Lê Phan Tiến	Tài	'19/07/2005	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.8	8.3	10	9.0	Đạt	
14	B2-14	24622062	Đặng Ngọc	Thi	'30/09/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.8	6.7	9.6	7.7	Đạt	
15	B2-15	22621009	Đường Huỳnh Như	Ý	'05/01/2002	Nữ	TP. HCM	9.5	7.6	9.2	8.8	Đạt	

Thống kê	Số lượng
Đạt	15
Không đạt	0
Vắng	0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tú